TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày 14-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Di và bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu **tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng A và tầng 2 Tòa nhà S, số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm V1 (theo Văn bản ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021).

Bà Trần Thị Thu H ủy quyền lại cho:

1. Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1973, Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng V1 (vắng mặt).

2. Ông Đinh Trọng C, sinh năm 1991, Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng V1 (có mặt).

3. Ông Trần Quốc T, Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng V1 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tầng F Tòa nhà P, số B U, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: A T, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Theo Văn bản ủy quyền số 066954.23 ngày 09/6/2023).

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ trước khi bị tạm giam: 55G1 khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

2. Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ E, khu phố A, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/01/2019, vợ chồng ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bích L vay tiền của Ngân hàng TMCP Q (V1) theo Hợp đồng tín dụng số 2019.0070.HĐTD.622 số tiền là 404.000.000 đồng; mục đích giải ngân là thanh toán mua 1 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios; thời hạn vay là 96 tháng tính từ ngày 30/01/2019 đến ngày 29/01/2027; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,5%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 4,1%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng này, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; gốc trả hàng tháng vào ngày 15 tính từ ngày 15/02/2019, mỗi kỳ trả gốc là 4.209.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; lãi trả hàng tháng vào ngày 15 tính từ ngày 15/02/2019.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng ông Đ và bà L thế chấp 1 chiếc xe Toyota Vios, biển số 72A-311.77 đứng tên Lê Văn Đ theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 2019.0070.HĐTC.622 ngày 29/01/2019 giữa Ngân hàng V1 và Lê Văn Đ, Nguyễn Thị Bích L.

Cùng ngày 29/01/2019, Ngân hàng V1 đã giải ngân cho vợ chồng ông Đ và bà L số tiền là 404.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2019.0070.KUNN.622 (Ngân hàng V1 chuyển 404.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty TNHH MTV T1 theo yêu cầu của ông Đ và bà L).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ và bà L đã trả được 24 tháng tiền gốc là 101.016.000 đồng (tính đến ngày 15/01/2021 và đến nay chưa trả thêm được khoản tiền gốc nào) và trả được 24 tháng tiền lãi là 76.341.057 đồng (tính đến ngày 15/01/2021 và đến nay chưa trả thêm được khoản tiền lãi nào). Do ông Đ và bà L chậm trả gốc và lãi nên Ngân hàng V1 đã chuyển toàn bộ nợ gốc là 302.984.000 đồng sang nợ quá hạn tính từ ngày 27/8/2021.

Nay Ngân hàng V1 yêu cầu ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bích L trả cho Ngân hàng V1 tổng số tiền là 441.029.062 đồng, trong đó: nợ gốc là 302.984.000

đồng, nợ lãi trong hạn là 23.922.741 đồng, nợ lãi của lãi trong hạn chậm trả là 3.949.503 đồng, nợ lãi quá hạn là 110.172.818 đồng (tính đến hết ngày 14/6/2023 – là ngày xét xử sơ thẩm). Kể từ ngày 15/6/2023, ông Đ và bà L còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 2019.0070.HĐTD.622 ngày 29/01/2019 cho đến khi trả hết số nợ vay cho Ngân hàng V1.

Ngân hàng V1 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 2019.0070.HĐTC.622 ngày 29/01/2019 giữa Ngân hàng V1 và Lê Văn Đ, Nguyễn Thị Bích L.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2023, bị đơn là ông Lê Văn Đ trình bày: Ông Đ xác nhận vợ chồng ông có vay tiền Ngân hàng V1 đúng như lời trình bày của đại diện Ngân hàng V1. Ông đồng ý trả nợ nợ gốc là 302.984.000 đồng và lãi theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên nhưng xin được giảm lãi.

- Tại Bản khai ngày 24/5/2023, bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích L trình bày: Ngày 29/01/2019, vợ chồng bà có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V1. Theo đó, vợ chồng bà vay số tiền 400.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, thời hạn vay là 96 tháng. Sau khi vay, vợ chồng bà đã thanh toán được 24 tháng tiền gốc và 24 tháng tiền lãi. Sau đó vợ chồng bà không còn khả năng thanh toán vì dịch bệnh, kinh tế gia đình khó khăn. Nay vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng V1 302.984.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bích L trả cho Ngân hàng V1 số tiền 441.029.062 đồng, trong đó: nợ gốc là 302.984.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 23.922.741 đồng, nợ lãi của lãi trong hạn chậm trả là 3.949.503 đồng, nợ lãi quá hạn là 110.172.818 đồng (tính đến hết ngày 14/6/2023).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Lê Văn Đ có nơi cư trú trước khi bị tạm giam là khu phố L, thị trấn L, huyện L và bà Nguyễn Thị Bích L có nơi cư trú tại khu phố A, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

~~Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bích L đều vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.~~

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng V1 yêu cầu ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bích L trả cho Ngân hàng V1 tổng số tiền 441.029.062 đồng, trong đó: nợ gốc là 302.984.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 23.922.741 đồng, nợ lãi của lãi trong hạn chậm trả là 3.949.503 đồng, nợ lãi quá hạn là 110.172.818 đồng (tính đến hết ngày 14/6/2023 – là ngày xét xử sơ thẩm). Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bích L xác nhận còn nợ Ngân hàng V1 số tiền gốc là 302.984.000 đồng và tiền lãi theo quy định nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 theo quy định tại các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự và Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

* Về phần quyết định lãi, lãi suất trong bản án:

Căn cứ điểm a Khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm số 01/2019/NQ-HĐTP năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định như sau:

"Điều 13. Quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án

1. Khi giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án thì Tòa án phải quyết định trong bản án hoặc quyết định (Phần quyết định) như sau:

a) Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

b) …

2. "Mức lãi suất hai bên thỏa thuận" hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn."

Xét trong Hợp đồng tín dụng số 2019.0070.HĐTD.622 ngày 29/01/2019 nêu trên thì các bên có thỏa thuận là lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Như vậy quyết định về mức lãi suất trong bản án như sau: "Kể từ ngày 15/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2019.0070.HĐTD.622 ngày 29/01/2019. Trường hợp Ngân hàng V1 điều chỉnh lại lãi suất cho vay 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V1 cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V1".

* Xét yêu cầu xin giảm lãi của ông Đ:

Đại diện Ngân hàng V1 trình bày: Ngân hàng V1 không đồng ý giảm lãi. Nếu trong quá trình thi hành án, ông Đ và bà L có thiện chí trả nợ thì Ngân hàng V1 sẽ giảm lãi cho ông Đ và bà L. Do đó không có căn cứ giảm lãi cho ông Đ và bà L.

[3] Xét Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 2019.0070.HĐTC.622 ngày 29/01/2019 giữa Ngân hàng V1 và Lê Văn Đ, Nguyễn Thị Bích L: Ngân hàng V1 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ và bà L phải chịu án phí theo quy định. Ngân hàng V1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự và Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm a Khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm số 01/2019/NQ-HĐTP năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q:

Buộc ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bích L liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là 441.029.062 đồng, trong đó: nợ gốc là 302.984.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 23.922.741 đồng, nợ lãi của lãi trong hạn chậm trả là 3.949.503 đồng, nợ lãi quá hạn là 110.172.818 đồng (tính đến hết ngày 14/6/2023).

Kể từ ngày 15/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2019.0070.HĐTD.622 ngày 29/01/2019. Trường hợp Ngân hàng TMCP Q điều chỉnh lại lãi suất cho vay 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Q.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bích L liên đới chịu án phí là 21.641.000 đồng.

- Hoàn trả lại 8.075.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Q theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 09001 ngày 19/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 14/6/2023; Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bích L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền;
- Đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Đỗ Hữu Trí